

Phát hiện mới về sán lá gan trên mèo tại một số tỉnh phía Nam

Lê Hữu Khương

Khoa Chăn nuôi – Thú y Đại học Nông Lâm TP. HCM

TÓM TẮT

316 mèo mổ khám ở 5 tỉnh /thành phía nam được kiểm tra tình hình nhiễm sán . Số mèo được phân chia thành 3 nhóm trọng lượng (dưới 2kg, 2-3 kg và trên 3 kg). Kết quả khảo sát cho thấy mèo ở Đồng Tháp (2,50%) và Tây Ninh (21,43%) nhiễm sán lá gan. Mèo càng lớn thì tỉ lệ nhiễm sán lá gan càng tăng. Đã định danh được 3 loài sán là *Opisthorchis viverrini* , *Platynosomum fastosum* và *Euparadistomum* sp. Loài *Opisthorchis viverrini* đã được công bố ở miền Bắc và miền Trung nhưng 2 loài còn lại chưa được công bố ở Việt Nam.

Từ khóa: Mèo, Sán lá gan, Tỷ lệ nhiễm, Nam Việt Nam

New findings on the cat liver flukes in some southern provinces of Vietnam

Le Huu Khuong

Summary

316 autopsied cats in 5 provinces of the Southern Vietnam were found the prevalence of trematode.. Cats were divided into 3 groups of the body weight (less than 2kg, 2-3 kg and over 3 kg). The result showed that the cats from Dong Thap and Tay Ninh provinces infected small liver fluke with 2,50 and 21,43%, respectively. The prevalence of liver fluke was increased following to group of body weight. Three species of trematode were identified as *Opisthorchis viverrini*, *Platynosomum fastosum* and *Euparadistomum* sp.. *Opisthorchis viverrini* have been published in Northern and Central Vietnam but the remaining two species have not been published in the country.

Key words: Cats, Liver fluke, Prevalence, South Vietnam

I. MỞ ĐẦU

Ở Việt Nam, sán lá gan nhỏ ký sinh ở chó mèo và người đã được khảo sát nhiều năm nay và nhiều tác giả đã xác định được có 2 loài phổ biến hiện nay là *Clonorchis sinensis* và *Opisthorchis viverrini*. Vùng dịch tễ được xác định là ở các tỉnh phía Bắc và các tỉnh duyên hải miền Trung. Riêng ở các tỉnh phía Nam, những công trình khảo sát giun sán trên chó chưa phát hiện sự hiện diện của các loài sán lá gan (Trần Xuân Mai, 1992; Nguyễn Hữu Hưng, 2002; Lê Hữu Khương, 2005). Các nghiên cứu về giun sán trên mèo rất ít và chưa có tài liệu nào nói về sán lá gan trên mèo được công bố chính thức. Vì vậy tìm hiểu về hệ giun sán ký sinh trên mèo và nhóm sán lá gan là cần thiết để hiểu biết về sự phân bố của các loài này và làm cơ sở cho việc phòng bệnh cho mèo cũng như cho sức khỏe cộng đồng.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT

Mèo được khảo sát bằng phương pháp giết mổ ở các tỉnh Đồng Tháp, Lâm Đồng, Bình Dương, Tây Ninh, Cần Thơ và TP. Hồ Chí Minh. Vì không thể xác định được tuổi nên chúng tôi chia mèo thành 3 nhóm trọng lượng (dưới 2 kg, 2 - 3 kg và trên 4 kg). Tổng số mèo được khảo sát là 316 con. Định danh các loài sán dựa theo hình thái và cấu tạo của chúng.

III. KẾT QUẢ

3.1. Tỷ lệ nhiễm giun sán ở mèo theo địa điểm khảo sát

Trong 5 tỉnh khảo sát có 2 nơi mèo nhiễm sán lá gan nhưng ở Đồng Tháp chỉ phát hiện một mèo nhiễm trong số 40 mèo khảo sát và chỉ thu được 1 mẫu sán, tỉ lệ và cường độ nhiễm quá thấp. Riêng ở Tây Ninh, mèo được thu thập từ thị xã Tây Ninh đã cho thấy có 18 mèo nhiễm, chiếm tỉ lệ 21,43%. Tổng số thu được 2813 mẫu sán.

Bảng 1. Tỉ lệ nhiễm sán lá gan ở mèo theo địa điểm khảo sát

Địa điểm	Số mèo khảo sát (n=316)	Số mèo nhiễm	Tỉ lệ (%)	Số sán thu được
Lâm Đồng	42	0	0	0
Bình Dương	120	0	0	0
Tây Ninh	84	18	21,43	2813
TP Hồ Chí Minh	30	0	0	0
Đồng Tháp	40	1	2,50	1

Phạm Văn Khuê (1995), Ngô Huyền Thúy (1996) đã phát hiện trên mèo và chó ở Nghĩa Hưng, Hà-Nam-Ninh và Hà Nội nhiễm sán lá gan. Lê Văn Châu (2001) đã khảo sát ở Ninh Bình cho thấy người (34,3%), chó (13,04%) và mèo (18,52%) đều nhiễm loài sán lá gan nhỏ *Clonorchis sinensis*. Nguyễn Văn Đề (2003) đã xét nghiệm phân trên 30.000 người, phát hiện bệnh sán lá gan nhỏ ở 15 tỉnh miền Bắc và miền Trung. Tỉ lệ nhiễm trên người biến động từ 0,2% (Thái Bình) đến 36,9% (Phú Yên). Chó nhà nhiễm 28,6%, mèo nhà nhiễm 64,2%. Nguyễn Văn Chương (2004) xét nghiệm 2249 mẫu phân người ở tỉnh Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi và Quảng Nam cho thấy tỉ lệ nhiễm sán lá gan ở cả 4 địa điểm là 13,16%. Người nhiễm chủ yếu là do tập quán ăn gỏi cá sống.

Như vậy kết quả này minh chứng một điều không những chỉ ở miền Bắc có sự phân bố của các loài sán lá gan nhỏ mà ở miền Nam cũng có sự hiện diện của chúng. Sự phân bố của các loài sán này ở các tỉnh phía Nam còn chưa hiểu biết nhiều cần được nghiên cứu thêm. Điều này cũng đặt ra vấn đề ở miền Nam, người cũng có nguy cơ nhiễm sán lá gan nhỏ (mặc dù trước đây chưa có ca bệnh nào được ghi nhận trên người).

3.2. Tỉ lệ nhiễm sán theo trọng lượng mèo ở Tây Ninh

Bảng 2. Tỉ lệ nhiễm sán theo trọng lượng mèo

Trọng lượng (kg)	Số khảo sát	Số nhiễm	Tỉ lệ (%)
Dưới 2	33	0	0
2-3	42	13	30,95
Trên 3	9	5	55,55

Kết quả khảo sát cho thấy những mèo có trọng lượng từ 2 kg trở lên mới nhiễm sán, trọng lượng mèo càng lớn thì tỉ lệ nhiễm càng tăng. Có lẽ mèo lớn có cơ hội ăn phải ký chủ trung gian nhiều hơn so với mèo nhỏ.

3.3. Kết quả định danh

Qua quan sát bằng mắt thường có 3 loài sán có hình dạng khác nhau. Các đặc điểm của những loài này như sau:

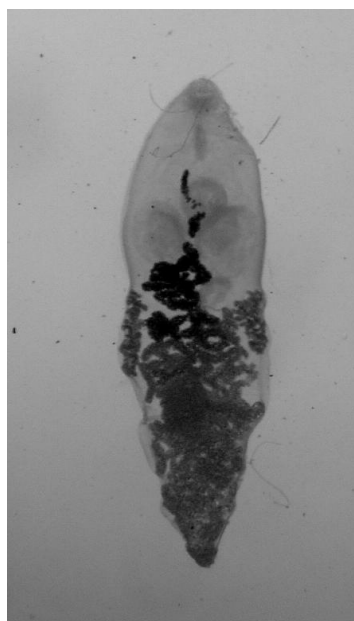
- (1) Loài sán thứ nhất có hình chiếc lá, mỏng và dài. Phần đầu thon hơn phần đuôi. Sán dài 7 - 12 mm, rộng nhất ở giữa thân khoảng 2 mm. Tinh hoàn nằm cuối thân, một trên một dưới

và phân thù (4-5 thù). Giác miệng lớn hơn giác bụng. Lỗ sinh dục ở trước giác bụng. Tuyến noãn hoàng nằm 2 bên thân và kéo dài. Dựa vào các đặc điểm này chúng tôi xác định đây là loài *Opisthorchis viverrini* (hình 1). Các mẫu vật của loài này được thu thập ở Tây Ninh (1703 mẫu) và Đồng Tháp (1 mẫu). Loài này đã được tìm thấy nhiều trên người, chó, mèo ở các tỉnh miền trung Việt Nam.

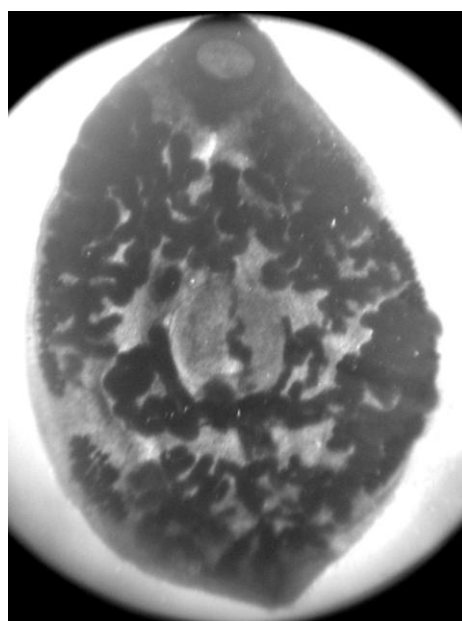
- (2) Loài thứ 2 thon dài, có kích thước trung bình dài 5,48 mm, rộng 1,68 mm. Giác miệng và giác bụng bằng nhau (0,5 - 0,6 mm). giác bụng ở 1/4 trước cơ thể. Tuyến noãn hoàng nằm giữa 2 bên cơ thể, không kéo dài. Lỗ sinh dục ở ngay hoặc điểm trước nhánh ruột phân đôi. 2 tinh hoàn hình bầu dục, nằm ngang nhau ở 1/3 trước cơ thể sát dưới giác bụng. Tử cung chiếm hết 2/3 sau cơ thể. Loài này được xác định là *Platynosomum fastosum* (hình 2) và chưa được công bố ở Việt Nam. Các mẫu sán này mới chỉ tìm thấy trên mèo ở thị xã Tây Ninh.
- (3) Loài thứ 3 có hình quả lê, dẹp, phần rộng nhất ở 2/3 phía sau cơ thể. Dài trung bình 5,12 mm, rộng nhất 3,75 mm. Giác bụng (1,05 mm) khá lớn nằm ngay giữa thân sán, giác miệng nhỏ hơn (0,37 mm). 2 tinh hoàn hình ovan nằm ngang phía trên giác bụng, buồng trứng nằm dưới giác bụng. Tuyến noãn hoàng kéo dài 2 bên cơ thể. Tử cung chiếm cả phía trên và dưới giác bụng. Căn cứ vào mô tả của Bowman (2002), chúng tôi cho rằng sán này thuộc giống *Euparadistomum* nhưng chưa xác định được tên loài (hình 3). Các loài thuộc giống này cũng chưa được phát hiện trên mèo ở Việt Nam. Các mẫu vật này cũng chỉ tìm thấy trên mèo ở thị xã Tây Ninh.



Hình 1: *Opisthorchis viverrini*



Hình 2: *Platynosomum fastosum*



Hình 3: *Euparadistomum* sp.

Ở Việt Nam, *Opisthorchis viverrini* gần đây đã được xác định phân bố chủ yếu ở các tỉnh miền Trung. Nguyễn Văn Đề và Lê Thanh Hòa (2007) đã xác định loài này qua kỹ thuật PCR và phân tích chuỗi gen. Theo Nguyễn Thi Lê (1996, 2000) ở Việt Nam còn có loài *Opisthorchis*

felineus nhưng những nghiên cứu gần đây không thấy. *Platynosomum fastosum* cũng có thể lây bệnh cho người (Bowman, 2002) và cũng đã được tìm thấy ở nhiều quốc gia như Malaysia, Indonesia, Nigeria, Mỹ và nhất là Brazil (Vieira, 2009). Trong tất cả các mẫu vật thu được chưa phát hiện loài *Clonorchis sinensis*. Kết hợp các công bố trước đây với kết quả nghiên cứu này, tổng cộng đã có 5 loài sán lá gan nhỏ ký sinh trên chó mèo ở Việt Nam đã được phát hiện. Trong đó có 4 loài có thể truyền lây cho người là: *Clonorchis sinensis*, *Opisthorchis viverrini*, *O. felineus* và *Platynosomum fastosum*.

Hiện nay do việc giao lưu, di lại của người dân và vận chuyển vật nuôi giữa các vùng miền trong nước cũng như từ nước ngoài vào Việt Nam khá phổ biến nên một số loài sán ký sinh ở người và động vật cũng có thể được du nhập vào. Việt Nam có điều kiện khí hậu rất thuận lợi cho sự phát triển và tồn tại của nhiều loài vật chủ trung gian vì vậy hiện tại và trong tương lai có sự xuất hiện một số loài ký sinh mới là điều không tránh khỏi.

3.4. Tỷ lệ và cường độ nhiễm các loài sán lá gan ở Tây Ninh

Bảng 3. Tỷ lệ nhiễm và cường độ nhiễm các loài sán gan trên mèo ở Tây Ninh (n=84)

Stt	Sán	Số mèo nhiễm	số mẫu sán thu được	Tỷ lệ (%)	Cường độ nhiễm ($X \pm SE$)
1	<i>Opisthorchis viverrini</i>	15	1703	17,85	113,50-97,80
2	<i>Platynosomum fastosum</i>	2	1106	2,38	553-547
3	<i>Euparadistomum</i> sp.	1	4	1,19	4

Vì ở Đồng Tháp chỉ phát hiện 1 mèo nhiễm *Opisthorchis viverrini* với cường độ là 1 sán nên trong bảng 3 này chỉ trình bày các số liệu được thu thập trên mèo ở Tây Ninh.

Trong 18 mèo nhiễm sán lá gan, mỗi mèo chỉ nhiễm 1 loài sán, không có nhiễm ghép. Số mèo nhiễm nhiều nhất là *Opisthorchis viverrini* chiếm tỷ lệ 17,85 %; kế đến là *Platynosomum fastosum* 2,38 % và 1 mèo nhiễm *Euparadistomum* sp. chiếm 1,19%. Về cường độ nhiễm, số sán *Opisthorchis viverrini* nhiều nhất đếm được trên 1 mèo là 1480 sán và số *Platynosomum fastosum* nhiều nhất là 1100 sán. Như vậy về cường độ nhiễm thì *Opisthorchis viverrini* và *Platynosomum fastosum* đều nhiễm nặng trên mèo. *Euparadistomum* nhiễm nhẹ, chỉ tìm thấy 4 sán trên 1 mèo.

3.5. Tỷ lệ nhiễm các loài giun sán theo trọng lượng mèo

Bảng 5. Tỷ lệ nhiễm các loài giun sán theo trọng lượng mèo ở Tây Ninh (%)

Loài sán	Tỷ lệ nhiễm (Số mèo nhiễm)		
	Dưới 2 kg (n=33)	2 - 3 kg (n=42)	Trên 3 kg (n=9)
<i>Opisthorchis viverrini</i>	0	26,19 % (11/42)	44,44 % (4/9)
<i>Platynosomum fastosum</i>	0	2,38% (1/42)	11,11% (1/9)
<i>Euparadistomum</i> sp.	0	2,38% (1/42)	0

Loài *Euparadistomum* sp. chỉ nhiễm 1 mèo trong nhóm 2-3 kg, 2 loài còn lại đều nhiễm cao ở mèo trên 3 kg. Mèo lớn có khả năng lưu giữ và truyền lây mầm bệnh nhiều hơn nhóm mèo nhỏ.

IV. KẾT LUẬN

- Đã phát hiện được 3 loài sán lá gan trên mèo ở 2 tỉnh phía Nam Việt Nam, trong đó *Opisthorchis viverrini* có tỉ lệ nhiễm cao nhất (17,85%) kế đến là *Platynosomum fastosum* (2,38%) và *Euparadistomum* sp. (1,19%).
- 2/5 tỉnh có sự phân bố của các loài sán lá gan nhỏ là Tây Ninh và Đồng Tháp. Mèo ở Tây Ninh tỉ lệ nhiễm sán lá gan nhỏ nói chung khá cao (21,43%) và có sự hiện diện của cả 3 loài sán. Ở Đồng Tháp chỉ mới phát hiện 1 loài *Opisthorchis viverrini*.
- Trong 3 loài, *Opisthorchis viverrini* được ghi nhận đầu tiên ở miền Đông và Tây Nam Bộ. *Platynosomum fastosum* và *Euparadistomum* sp. được ghi nhận đầu tiên ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Châu, Nguyễn Văn Đề, Đặng Thanh Sơn, Hà Viết Viên, Nguyễn Thu Hiền, Lê Đình Công (2001), Đánh giá thực trạng bệnh sán lá gan Clonorchiasis tại vùng Châu thổ sông Hồng, *Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng*, 2001(4), tr. 96 – 101.
2. Nguyễn Văn Chương, Nguyễn Văn Khá, Bùi Văn Tuấn, Nguyễn Hữu Giáo (2004), Nghiên cứu thực trạng nhiễm sán lá gan nhỏ ở một số tỉnh miền Trung Việt Nam – Bước đầu thử nghiệm một số giải pháp can thiệp, *Tạp chí Y học thực hành*, 2004(447), tr. 49 – 57.
3. Bowman D. D., Hendrix C. M., Lindsay D. S., Barr S. C. (2002), *Feline clinical parasitology*, Iowa State University Press, A Blackwell Science Company.
4. Nguyễn Văn Đề, Kiều Tùng Lâm, Lê Văn Châu, Đặng Thanh Sơn, Hà Viết Viên, Lê Đình Công (2003), Tình hình nhiễm sán lá gan nhỏ và kết quả phòng chống ở Việt Nam, *Tạp chí Y học thực hành*, 2003(447), tr. 70 – 73.
5. Nguyễn Văn Đề, Lê Thanh Hòa (2007), Xác định thành phần loài sán lá thường gặp ở Việt Nam bằng sinh học phân tử, *Y học TP Hồ Chí Minh*, tập 11, phụ bản 2, 2007, 80-88.
6. Lê Hữu Khương (2005), Giun sán ký sinh trên chó ở một số tỉnh miền Nam Việt Nam, Luận án Tiến sĩ nông nghiệp, Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn thị Lê (2000), Động vật chí Việt Nam, Sán lá ký sinh ở người và động vật Việt Nam, tập 8, nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật -Hà Nội.
8. Trần Xuân Mai (1992), Góp phần nghiên cứu bệnh động vật ký sinh một chiều (ngõ cụt ký sinh) lây truyền từ phân chó mèo sang người, Luận án Phó tiến sĩ khoa học Y Dược, trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh,